

Chín Năm Bên Cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Lâm Lễ Trinh

Mạn đàm với cựu Đồng Lý Quách Tông Đức

Tuy là bạn tâm giao với người viết từ lâu, ông Quách Tông Đức luôn luôn tỏ ra dè dặt và thận trọng khi nhắc đến những năm dài làm Đồng Lý Văn Phòng cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, vị lãnh tụ khai sáng nền Đệ Nhứt Cộng Hoà Việt Nam. Sau chính biến 1.11.1963, ông Đức trở lại ngành Tư Pháp và được thăng trật Chủ Tịch Tham Chính Viện năm 1969. Tháng 4.1975, Sài Gòn thất thủ, ông và gia đình xin tị nạn chánh trị tại Paris. Chánh phủ Pháp tuyển dụng ông vào Phòng Tổ Tụng Tổng Quát của thị xã Paris, thời thị trưởng Jacques Chirac. Ông về hưu đầu năm 1984. Nay 89 tuổi, trí tuệ còn minh mẫn tuy sức khỏe không tốt như trước. Gần đây, trong những lần gặp nhau lại ở Pháp cũng như qua nhiều cuộc điện đàm có ghi âm, ông Đức đã chịu thổ lộ với người viết nhiều điều liên hệ đến giai đoạn chín năm phục vụ vị nguyên thủ quốc gia bị sát hại năm 1963.

Lần đầu gặp Chí Sĩ Ngô Đình Diệm

Ông Quách Tông Đức (Quách Tông Đức) sanh tại An Xuyên năm 1917, thuộc một gia đình trung lưu, đậu cử nhân và Cao học Luật Đông Dương năm 1941, Đại học Hà Nội, sau khi lấy bằng tú tài tại trường Pétrus Ký, Sài Gòn. Ông thuộc toán cử nhân đầu tiên gồm có Nguyễn Thành Cung và Lê Văn Mỹ thi đậu năm 1942 vào ngạch huyện, phủ tại Miền Nam Việt Nam mà cấp bậc cao nhất là Đốc Phủ Sứ thượng hạng ngoại hạng tương đương với chức Tổng Đốc đứng đầu tỉnh ở ngoài Trung và Bắc. Khi vua Bảo Đại chỉ định Trần Văn Hữu lập Chánh phủ, Thủ Hiến Nam Việt Thái Lập Thành (xuất thân là một Đốc Phủ Sứ như các ông Nguyễn Ngọc Thơ, Lê Tấn Nắm, Dương Tấn Tài, Lê Quang Hộ...) bổ nhiệm ông Quách Tông Đức năm 1951 làm Chánh Văn Phòng và thiếu tá Dương Văn Minh, Chánh Võ Phòng. Năm 1953, thủ hiến Thành và Thiếu tướng Chanson bị nhóm Cao Đài kháng chiến của Trình Minh Thế ám sát tại Sadec trong một cuộc kinh lý.

49 ngày sau Điện Biên Phủ thất thủ, tức là 26.6.1954, Bảo Đại giao cho cựu Thượng Thơ Ngô Đình Diệm lập chánh phủ, thay thế hoàng thân Bửu Lộc. Trước đây, ông Diệm đã ba lần từ chối lời mời của Bảo Đại: năm 1937, 1945 và 1948. Ông giao thiệp thân tình với nhà cách mạng Phan Bội Châu lúc sanh tiền, có ghé Nhứt năm 1950 để hội kiến với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và, theo một số sử liệu, từng lãnh đạo Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội trong nước. Có lúc ông bị Việt Minh bắt giữ và – khác với Bảo Đại – đã cương quyết bác bỏ lời mời của Hồ Chí Minh làm Cố vấn cho Chánh phủ do Hồ dựng ra.

Hiệp định Genève, ký ngày 20.7.1954, chia đôi Việt Nam nơi vĩ tuyến 17. Trong đám đông quần chúng đón tiếp nồng nhiệt Thủ Tướng Diệm tại phi trường Tân Sơn Nhứt có ông Nguyễn Ngọc Thơ, nguyên bí thư của Toàn quyền Decoux, cùng đi với ông Quách Tông Đức. Thủ Tướng Diệm – kiêm luôn Quốc phòng và Nội Vụ – mời ông Thơ tham gia Nội các với tư cách Bộ trưởng Nội vụ. Ông Thơ chọn ông Đức làm Đồng Lý Văn phòng năm 1954. Ngày 23.10.1955, một cuộc trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại. Ngày 26.10.1956, từ Thủ Tướng trở thành Tổng Thống, ông Diệm thiết lập nền Đệ Nhứt Cộng Hoà Việt Nam. Quân đội tổ chức một cuộc diễn binh huy hoàng tại đại lộ Trần Hưng Đạo Sài Gòn dưới quyền điều khiển của Dương Văn Minh, vừa vinh thăng Thiếu tướng sau khi tảo thanh xong Bình Xuyên tại Rừng Sát. Ông Quách Tông Đức thay thế Đồng Lý Tôn Thất Trạch cuối năm 1954 và giữ chức vụ này cho đến ngày quân đội đảo chánh năm 1963.

Nhận xét về mối liên hệ của TT Diệm với gia đình

Theo ông Quách Tông Đức, năm 1954 chánh phủ Pháp trả trước dinh Gia Long ở đường Gia Long, và sau khi quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam, nhà cầm quyền Đệ Nhứt Cộng Hoà mới thu hồi Dinh Toàn Quyền Norodom, đổi tên thành Dinh Độc Lập, trên đại lộ Thống nhứt. Dinh này được kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, khôi nguyên La Mã, xây cất lại hoàn toàn sau ngày 27.2.1962 vì Dinh bị hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử dội bom hư hại khá nặng.

Dinh Độc Lập chia làm hai tầng: tầng dưới có hai phòng khánh tiết tráng lệ và các văn phòng của Cố vấn Ngô Đình Nhu, Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống, Đồng Lý Văn Phòng, TổngThơ Ký Phủ Tổng Thống và nhân viên. Tầng trên chia làm ba phần: phía trái dành làm văn phòng và phòng ngủ của Tổng Thống, phòng sĩ quan tùy viên; ở giữa có hai phòng tiếp tân khang trang; phía phải là nơi cư ngụ của gia đình ông bà Nhu gồm có hai trai, hai gái. Tổng Thống Diệm thích làm việc trong phòng ngủ, trang trí sơ sài với một cái giường nhỏ bằng gỗ, một bàn tròn và ba ghế da. Nơi đây, Tổng Thống thường dùng cơm và tiếp các bộ

trưởng và tướng lãnh.

Gia đình Tổng Thống rất trọng Nho giáo. Hằng năm vào Tết Nguyên đán, luôn luôn tụ họp đông đủ ở Phủ Cam, Huế, để chúc thọ bà cụ Ngô Đình Khả giao cho người con áp út Ngô Đình Cẩn săn sóc ngày đêm. Ông bà Ngô Đình Khả có chín người con: 6 trai, 3 gái. Trưởng nam, Tổng đốc Ngô Đình Khôi và con trai là Ngô Đình Huân bị CS giết năm 1945. Ba người con gái là bà Ngô Đình Thị Giao tức bà Thưa Tùng, bà Ngô Đình Thị Hiệp tức bà Cả Ấm, thân mẫu của Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận và bà Ngô Đình Thị Hoàng tức bà Cả Lễ, mẹ vợ của Nghị sĩ Trần Trung Dung. TT Diệm là người con trai thứ ba trong gia đình nhà Ngô, sanh năm 1901 tại Huế, được vua Bảo Đại bổ nhiệm năm 1933 Thượng Thơ đầu triều lúc 33 tuổi nhưng ông Diệm sớm rũ áo từ quan vì thực dân Pháp không chấp nhận chương trình cải tổ rộng lớn của ông.

Sau ngày ông Khôi qua đời, Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, trở nên người anh cả “quyền huynh thế phụ.” Đức Cha được kính nể và có nhiều ảnh hưởng đối với TT Diệm. Ông Quách Tông Đức cho biết, lúc còn ở Vĩnh Long, Giám Mục Thục vài tuần có về Saigon ngụ trong Dinh. Ông Ngô Đình Luyện, con út trong gia đình, đại sứ ở Luân Đôn, năm khi mười họa mới về nước nghỉ phép hay để dự các phiên họp của Hội đồng Tối cao Tiền tệ mà ông là một thành viên... Ông Đức không nhớ có lần nào gặp ông Cẩn trong Dinh Độc Lập.

Văn phòng Đồng Lý không làm việc thẳng với Cố Vấn Nhu. Ông Nhu có nhân viên riêng trong Sở Nghiên cứu Chánh trị Phủ Tổng Thống mà người giám đốc đầu tiên là Đốc Phủ Sứ Vũ Tiến Huân, Tham lý Nội An Bộ Nội vụ, về sau thay thế bởi bác sĩ Trần Kim Tuyến. Văn phòng của Sở Nghiên cứu sử dụng một ngôi nhà riêng trong hàng rào Dinh Độc Lập. Vài tháng trước vụ binh biến 1.11.1963, Tuyến bị thất sủng, trung tá Phạm Thư Đường thay thế. Tuyến được bổ nhiệm làm Tổng lãnh sự (hạt) tại Le Caire, trở lại Việt Nam và liên hệ đến một nhóm âm mưu đảo chánh. Đảo chánh thành công, bs Tuyến bị Hội Đồng Cách Mạng đày ra Côn Đảo (tỉnh trưởng là trung tá Tăng Tư) trên một năm cùng với lối 200 nhân vật chế độ cũ gồm có Ngô Trọng Hiếu, Cao Xuân Vỹ, đại tá Nguyễn Văn Y, Hà Như Chi, Dương Văn Hiếu.... Ông Quách Tông Đức không thể xác nhận tin nói rằng trước ngày 1.11.1963, ông Nhu đã giao cho người em vợ là Trần Văn Khiêm điều khiển cơ quan mật vụ. Khiêm bị nhiều tai tiếng, từng cộng tác với văn phòng của luật sư Trương Đình Dzu, ứng cử viên Tổng Thống thời Thiệu-Kỳ. Vụ Khiêm giết cha mẹ là ông bà cụ đại sứ Trần Văn Chương tại Hoa Kỳ sau 1975 làm dư luận xôn xao. Toà án Mỹ tha Khiêm với lý do Khiêm bị bệnh tâm thần và trục xuất Khiêm khỏi Hoa Kỳ. Khiêm hiện sống bình thường ở Pháp. Có sự điều đình chánh trị gì bên trong vụ án này?

Khi được hỏi cách cư xử của TT Diệm với bà Nhu (nhũ danh Trần Lệ Xuân), ông Đức cho biết “ông cụ có vẻ nể và ủng hộ bà Nhu” trong vụ tổ chức Phong trào Phụ nữ Liên đới và vận động Quốc Hội ban hành Bộ Luật Gia đình cấm ly dị. Tổng Thống cho rằng bà Nhu hành động như vậy là giúp cải tổ xã hội. Tuy nhiên, những kẻ xấu miệng lại cho rằng Bộ Luật Gia đình nhằm mục tiêu riêng: ngăn luật sư Nguyễn Hữu Châu ly dị với vợ là Trần Lệ Chi, chị của bà Nhu. Ngoài chức vụ dân biểu Quốc Hội, bà Nhu còn là chủ tịch Phong trào Phụ nữ Liên đới. Khi tiếp quốc khách, bà Nhu đóng vai trò đệ nhứt Phu nhân vì Tổng Thống độc thân. Tuy bất bình về những lời tuyên bố châm dầu vào lửa của người em dâu trong vụ Thích Quảng đức tự thiêu ngày 11.6.1963 (đặc biệt với câu “monks’ barbecue”), ông Diệm không công khai phủ nhận vì ngại đụng chạm đến ông Nhu vào một giai đoạn rối như tơ vò. Chính ông Nhu, với tánh hay nhường nhịn cho yên nhà yên cửa, cũng không kiểm soát nổi lối phát ngôn của vợ. Bà Nhu hiện có một cuộc sống kín đáo, đơn sơ, nặng về tôn giáo, qua lại giữa Paris và Rome, tất cả con cái đều thành tài. Trưởng nữ Ngô Đình Lệ Thủy chết trong một tai nạn lưu thông sau 1975. Sự bất hạnh không ngớt đeo đuổi gia đình nhà Ngô. Thời gian gần đây, bà Nhu thay bà Luyện để tổ chức hằng năm tại Paris một lễ cầu hồn cho TT Diệm và ông Nhu. Trong số ít người còn lui tới với bà Nhu, có vợ chồng cựu bộ trưởng Lao Động Huỳnh Hữu Nghĩa. Ông Nghĩa qua đời năm vừa rồi.

Về tin đồn Đức Cha Thục làm kinh tài (khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách Albert Portail...v.v..), ông Đức cho rằng TT Diệm tin TGM Thục không làm điều gì quấy, ngài phải kiếm tiền nuôi sống trường Đại học Đà Lạt do Ngài thành lập. Trái qua một cuộc đời sóng gió và gặp nhiều hiểu lầm với Toà Thánh Vatican sau 1975, TGM Ngô Đình Thục được Giáo Hoàng phục hồi chức tước, về hưu ở Hoa Kỳ và đã ra đi bình yên tại một Viện dưỡng lão công giáo thuộc tiểu bang Missouri.

Ông Quách Tông Đức xác nhận ông Ngô Đình Nhu chẳng những là lý thuyết gia mà còn là bộ óc của Đệ Nhứt Cộng Hoà, “l’homme indispensable, nhân vật cần thiết.” Ông xuất thân từ École des Chartes Paris, trầm tĩnh, ít nói, lạnh nhạt bên ngoài, thích nghiên cứu lịch sử, có nhiều sách hơn đồng chí. Trong lối ba năm chót của chế độ, dù giữ quyền quyết định cuối cùng trong mọi việc, TT Diệm thường phê chuyển các

hồ sơ chánh trị quan trọng qua cho ông Nhu để lấy ý kiến, không kể những cuộc gặp mặt thảo luận riêng hằng ngày. Ông Nhu làm việc âm thầm, cẩn mẫn, hút thuốc liên hồi (mỗi lần nửa điếu, do sự can ngăn của bà Nhu) trong một văn phòng không rộng, đầy ngập sách vở, ánh sáng mờ mờ, ở tầng dưới Dinh Độc Lập, có gắn máy lạnh và interphone với bên ngoài. Ông thường phê vào các công văn với một cây bút chì mờ màu xanh lá cây. Ông là cha đẻ của Đảng Cần Lao, dựa vào thuyết Nhân Vị, Personnalisme, đúc kết hai xu hướng của triết gia công giáo Emmanuel Mounier (1905-1950) và Jacques Maritain (1882-1973). Ông phát động và thực hiện kế hoạch quốc phòng Ấp Chiến Lược từng gây khiếp đảm cho CS Bắc Việt. Quốc sách này được thành lập bởi Nghị định số 11-TTP của Tổng Thống và ông Nhu là Chủ tịch Ủy ban Liên bộ đặc trách Ấp Chiến Lược. Ông Nhu cũng cho thành lập Phong trào Thanh niên và Thanh nữ Cộng hoà giao cho Cao Xuân Vỹ phụ trách. Ông đẩy mạnh tổ chức Lao động ở Việt nam và nâng đỡ Trần Quốc Bửu. Đại tá CIA Lansdale (người đã ủng hộ Magsaysay trở thành Tổng Thống Phi Luật Tân năm 1952) giúp ông móc nối với Lực Lượng Kháng Chiến Cao Đài để đưa tướng Trình Minh Thế về với Quốc gia. Ngồi chức Tổng Bí Thư đảng Cần Lao (tổ chức theo mô hình đảng Cộng Sản, với một Quân ủy trong Quân đội), có một lúc ông Nhu là dân biểu Quốc Hội. Ông không bao giờ tháp tùng Tổng Thống trong các cuộc kinh lý. Sản bản là thú tiêu khiển yêu chuộng của ông và đồng thời là cơ hội tìm nơi yên tĩnh để suy nghĩ.

Ông Đại Sứ Luyện, gốc kỹ sư, tánh tình cởi mở, thích giao du với bạn bè mỗi khi về Việt Nam nhưng không có nhiều ảnh hưởng vì không xen vào vấn đề nội trị. Ông là bạn học của cựu hoàng Bảo Đại, sống tại Luân đôn và đại diện Việt Nam Cộng Hoà ở nhiều xứ Âu châu và Phi châu. Sau khi vợ trước qua đời, ông Luyện tục huyền với em vợ và có rất đông con. Bà Luyện sống ở ngoại quốc nhiều hơn và ít khi xuất hiện. Sau 1963, ông Luyện dạy toán tại một trường tư thục Paris, sau đó sang Phi Châu làm việc một thời gian, tình trạng khá chật vật khi về hưu. Ông có qua Hoa Kỳ vài lần để thăm Đức TGM Thục, không còn liên lạc với bà Nhu và ông đã quá vắng ở Pháp,

Cho đến cuối năm 1961, vai trò của ông Ngô Đình Cẩn, Cố vấn lãnh đạo Miền Trung, trái lại, rất hệ trọng về mặt an ninh và đoàn thể. Ông Cẩn không ăn học cao nhưng nắm vững tình hình địa phương, có óc tổ chức, luôn luôn trang phục theo lối Việt, áo dài, khăn đóng, ăn trà, (từ đó biệt danh “Ông Cố Trà”), độc thân, thích hút thuốc Cẩm Lệ, đan rổ, làm vườn, nuôi thú, nuôi chim. Ảnh hưởng của ông lan vào Miền Nam với những điệp vụ mang danh nghĩa chiêu hồi của Đoàn Công tác Đặc biệt do Dương Văn Hiếu quán xuyến, sự hiện diện của Nguyễn Văn Hay trong cương vị phó TGD tại Tổng nha Cảnh sát Công An Sài Gòn và các hoạt động của cánh Cần Lao do nha sĩ thân tín Phan Ngọc Các điều khiển. Sau 1.11.1963, viên lãnh sự Mỹ Helble tại Huế không cho Cẩn và thân mẫu được tị nạn chánh trị tại Toà lãnh sự trong khi trước đó, cơ quan USAID Sài Gòn chưa chấp Trí Quang nhiều ngày. Lúc vừa bị bắt, ông Cẩn có chỉ cho tướng Đỗ Cao Trí tịch thu tại nhà ông ở Phú Cam, dưới gầm giường, “một bao bố và một va-li đựng quý kim” (đọc hồi ký Dòng họ Ngô Đình của Nguyễn Văn Minh, bí thư của N Đ Cẩn, trang 307). Ông Cẩn bị Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng, thời Nguyễn Khánh, xử tử vào lúc 6 giờ 30 chiều ngày 9.5.1964 tại sân sau khám Chí Hoà, Sài Gòn. Luật sư bào chữa là Võ Văn Quan. Cố vấn Cẩn tỏ ra bình tĩnh tại pháp trường, tuyên bố tha thứ cho các người tuyên án ông và xin đừng bị bịt mắt nhưng không được chấp nhận. Nếu gia đình thỏa thuận lấy của đổi mạng, ông Cẩn có thể đã thoát chết. Vụ tổng tiền này đã được cố nghị sĩ Trần Trung Dung và cố trung tướng Lâm Văn Phát xác nhận với người viết sau 1975.

Được hỏi về tin đồn có sự cạnh tranh ảnh hưởng chánh trị giữa Nhu và Cẩn, ông Quách Tông Đức nói chỉ nghe nói phong thanh. Vào tháng 10.1963, ông Cẩn nhận được lệnh của TT Diệm ngưng mọi hoạt động về đoàn thể và đóng cửa Văn phòng Cố vấn chỉ đạo ở ngoài Trung gồm có Hồ Đắc Trọng và đại úy Nguyễn Văn Minh. Hình như sự hiện diện của TGM Ngô Đình Thục tại Huế đã bó tay ông Cẩn phần nào. Ông Cẩn không dám phê bình chị dâu tuy không ưa bà Nhu. Trong phạm vi cá nhân, ông Cẩn giữ liên lạc tốt với Thượng Tọa Trí Quang nhưng điều này không giúp giải quyết cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Hoa Kỳ và Cộng Sản đã nhúng tay quá sâu.

Người viết có yêu cầu ông Quách Tông Đức cho biết trong gia đình họ Ngô, ai là người gây tiếng tăm bất lợi cho chế độ. Suy nghĩ một phút, ông Đức đáp: TGM Thục và bà Nhu. Đặc biệt trong giai đoạn Phật Giáo. Đức Cha ảnh hưởng quá nặng ngoài lãnh vực tôn giáo. Bà Nhu xen quá sâu vào chính trị, điều ít thấy trong giới phụ nữ Việt Nam. Ngó từ bên ngoài, năm anh em Ngô Đình rất khấn khít, mỗi người giúp tay tích cực xây dựng chế độ trong một lãnh vực. Sự đoàn kết ấy được diễn tả trong huy hiệu Đệ Nhất Cộng Hoà: năm cành trúc kết thành một bó, dưới khẩu hiệu “Tiết Trục Tâm Hư.” Tuy nhiên, mỗi nhân vật có cá tánh riêng, nhận định không luôn luôn nhất thống, đôi khi còn mâu thuẫn. Đó là hậu quả khó thể tránh trong một chế độ dựa vào gia tộc để lãnh đạo. Phe chống đối cũng như Hoa Kỳ và Cộng Sản đều khai thác triệt để và dễ dàng nhược điểm này.

Dư luận cho rằng trong năm chót của chế độ, trước cuộc binh biến 1.11.1963, ông Nhu – trên thực tế – là

một “Tổng Thống không ngôi” vì có nhiều quyền lực, làm lu mờ vai trò của ông Diệm nhưng quyền bính hiển định vẫn ở trong tay ông Diệm bị tấn công từ phía, bên trong lẫn ngoài nước. Không có một văn kiện chánh thức nào bổ nhiệm ông Nhu lẫn ông Cần làm Cố vấn Chánh phủ. Chính các đoàn thể chánh trị ở Miền Trung mời ông Cần làm “Cố vấn Chỉ đạo” và dành cho ông danh xưng này. Có lúc dư luận cảm thấy ông Diệm cần ông Nhu hơn là ông Nhu cần ông Diệm. TT Diệm không thể tách rời khỏi ông Nhu đóng vai trò “l’âme damnée, linh hồn đầy đọa.” Đó là đầu mối thảm trạng xảy ra cho hai người vào giờ phút chót.

TT Diệm tưởng làm có thể dùng uy tín cá nhân để bảo vệ sanh mạng của bào đệ. TT Diệm cũng tưởng làm khối tướng lãnh chấp nhận điều đình với ông. Phần đông tướng lãnh kính nể TT Diệm nhưng tất cả ngán sợ ông Nhu vì ông Nhu lắm mưu mô, nhiều bản lãnh. Sự ngán sợ đã trấn áp lòng nể trọng và dẫn đến quyết định hy sinh vị nguyên thủ quốc gia. 3 giờ trưa ngày 1 tháng 11, lúc tiếng súng đang nổ lớn, TT Diệm điện thoại cho đại sứ Lodge: Một cuộc điện đàm ngắn ngủi, đầy phần nộ trong khuôn khổ ngoại giao. Khi hay hai ông Diệm, Nhu thoát khỏi Dinh Gia Long đêm 1.11.1963, nhóm phản loạn “run en phát rét” và một tướng cầm đầu định “trở cờ,” theo sự tiết lộ của Tổng Thống Thiệu trước khi qua đời với người viết. Conein thúc phe phản loạn phải bắt sống cho kỳ được hai ông Diệm, Nhu. Conein nói suông sã: “On ne fait pas l’omelette sans casser les oeufs, Không thể rán trứng mà không đập bể trứng!” theo Trần Văn Đôn kể lại trong Hồi ký.

TT Diệm không chịu ra lệnh cho một số đơn vị võ trang trung thành phản công quân đảo chánh vì muốn tránh cảnh nời da xáo thịt, làm suy giảm tiềm năng kháng Cộng. 4 giờ sáng ngày 2.11.1963, hai tư lệnh Quân khu thân tín ở Vùng I và II là tướng Đỗ Cao Trí và Nguyễn Khánh tuyên bố ủng hộ Hội đồng Cách Mạng. Hy vọng cuối cùng tan biến. Hai giờ sau, Tổng Thống cho phép đại úy Đỗ Thọ, sĩ quan tùy viên, điện thoại cho chú y là đại tá Đỗ Mậu yêu cầu cho xe đến đón tại Nhà thờ Cha Tam Chợ lớn. Lúc 6 giờ và 6 giờ 45 sáng ngày 2.11.63, TT Diệm đích thân điện thoại cho các tướng Minh, Đôn và Khiêm để tìm giải pháp cho cuộc khủng hoảng. Dương Văn Minh chỉ định Mai Hữu Xuân, Nguyễn Văn Quang, Dương Ngọc Lắm, Dương Hiếu Nghĩa và Nguyễn Văn Nhung (tên vệ sĩ đã từng thủ tiêu xác của Ba Cụt) đi đón, với chỉ thị riêng thanh toán hai ông Diệm, Nhu, trước khi về tới Bộ Tổng tham mưu. Thái thú Cabot Lodge nhắm mắt trước vụ mưu sát bí ối này mà ông có dư quyền chặn lại nếu muốn. Đây là một vết nhơ không bao giờ rửa sạch trong lịch sử đại cường Hoa Kỳ. Tổng Thống Kennedy (lãnh tụ đảng Dân Chủ) quá yếu đuối, để cho thuộc hạ lật đổ ông Diệm một cách vô trách nhiệm, với sự a tòng của viên đại sứ đồ tể Cabot Lodge (thuộc đảng Cộng Hoà). Mai Hữu Xuân (đồ đệ của tên Cò khát máu Pháp Bazin) sống cô đơn, qua đời tại vùng Bắc California vì bệnh tim, nhiều hôm sau lối xóm mới khám phá được, báo cho cảnh sát. Đại tá Quang (gốc Đại Việt và cấp trên của Dương Văn Minh trong Quân đội Pháp) thăng thiếu tướng, một thời gian ngắn thì chết vì bệnh lao phổi.

Ông Nhu có thiện cảm với Pháp hơn với Mỹ, yếu tố văn hóa/ giáo dục ảnh hưởng nặng. Ông Diệm lại e dè với Pháp (qua kinh nghiệm thất vọng thời làm quan dưới triều thực dân) nhưng rất cuộc, oái oăm thay, ông trở thành nạn nhân của Mỹ mà ông nghĩ là văn minh và nhân đạo hơn!

Con người của Chí Sĩ Ngô Đình Diệm.

Nhiều sách vở và tài liệu đã nói về cuộc đời chánh trị và riêng tư của TT Ngô Đình Diệm- một lãnh tụ cương trực, khí khái, chống cộng cố hữu (anti-communiste invétéré) cũng như bướng bỉnh với đế quốc, bất luận Pháp, Tàu hay Mỹ. Theo ông Quách Tòng Đức, TT Diệm có cái uy nghiêm riêng phát xuất từ một gương mặt phúc hậu, một tác phong cương nghị, một giọng Huế ấm áp, một lối nhìn thẳng vào người đối thoại. Một nốt ruồi đen thấy rõ trên gò má dưới mắt trái của Tổng Thống được các nhà tử vi xem như báo hiệu một số mạng nhiều buồn phiền và tang tóc. Ông không nặng lời hay gắt gỏng với cấp thừa hành, khi không vừa ý.

Phong cách của TT Diệm làm cho những người tiếp xúc với ông phải kính nể. Sau cái bề ngoài trầm tĩnh, TT Diệm là một con người cuồng nhiệt, một hỏa diệm sơn, kiên trì trong mục đích, không nhân nhượng trên những đức tin căn bản. Trong chín năm làm việc tại Dinh, ông Đức cũng có dịp chứng kiến một ít trường hợp – vì lý do đặc biệt – Tổng Thống thịnh nộ, quát tháo, đập bàn.. Những “trận bão” này, tuy nhiên, qua mau, Tổng Thống tự kiềm chế cấp thời vì bản tánh của ông bộc trực, không cố chấp, không thâm độc như Hồ Chí Minh. Ông có thể độc thoại hàng giờ khi nói đến những đề tài mà ông nghiên ngẫm như chủ thuyết Cộng Sản, áp chiến lược, khu trừ mật, dinh điền, cải tổ hành chánh, hay văn hoá Khổng Mạnh. Mái tóc đen nhánh, dáng người thấp, chân đi hai hàng lạch bạch nhưng mau lẹ. Rất sùng đạo, xem lễ mỗi buổi sáng tại hoặc một phòng riêng trong Dinh, hoặc nhà nguyện Dòng Chúa Cứu thế. Trang phục màu trắng, cà vạt đen quanh năm, không thay đổi. Làm việc bất chấp giờ giấc, với nhịp độ làm các người thân cận mệt mỏi. Khi có vấn đề khẩn, ông cho mời nhân viên hữu trách vào Dinh để đàm đạo thâu đêm.

Bằng không, ông đọc phúc trình, hồ sơ đến khuya, uống trà, hút thuốc nhưng không bao giờ hút hết phần nửa điếu thuốc.

TT Diệm kinh lý không biết mệt, có khi mỗi tuần đi suốt hai ba ngày, đến các tiền đồn hẻo lánh, làng Thượng xa xôi, sử dụng mọi phương tiện chuyên chở: máy bay, ghe, tàu, xe jeep, trực thăng..... Ông không hùng hồn trước đám đông nhưng rất thoải mái và thân mật ở giữa những nhóm nhỏ, không quan cách, không mị dân

Khi nhóm Hội Đồng Nội Các, Tổng Thống Diệm thường ra ngoài chương trình ấn định, nếu tình cờ gặp một đề tài gây chú ý. Ông nói say mê, không đầu không đuôi, lảm nhảm không kết luận. Với tư cách thơ ký phiên họp, ông Quách Tông Đức ghi mệt tay. Lúc bế mạc, các bộ trưởng thường phải nhờ ông Đức tóm tắt vì suốt chín năm trời làm việc bên cạnh Tổng Thống, ông Đức đã quen và rút kinh nghiệm, tuy đôi lúc cũng đoán lảm.

TT Diệm sống rất nặng về lý tưởng. Con người Khổng Giáo nghiêm khắc và Công Giáo khổ hạnh nơi ông có những nhận xét lảm nhảm khi không sát thực tế. Ông thường nhắc rằng người cán bộ trung thành luôn luôn hy sinh vì đại cuộc mà không cần đến cơm áo, danh vọng và chức tước, một lời khen của lãnh tụ đủ gây mãn nguyện. Khổ nổi, không phải cán bộ nào cũng thánh thiện như thế. Cuộc nổi loạn năm 1963 là một sự cải chính xót xa. Sánh với Hồ Chí Minh, ông Diệm là một lãnh tụ đức độ thiếu mưu lược, ghét xảo quyệt.

Thú tiêu khiển của TT Diệm không nhiều vì thiếu giờ rảnh. Ông thích cỡi ngựa ở Đà Lạt hay trong vòng rào của Dinh Độc Lập trong những năm yên ổn. Ông sưu tập máy ảnh, thích chụp hình và rất vui khi nhận được một máy loại mới. Chủ tiệm chụp hình Hà Di thường được gọi vào Dinh về vấn đề chuyên môn. Tổng Thống ăn uống thanh đạm, thường bữa dùng tại ngay phòng ngủ, do ông già Ân và đại úy Nguyễn Bằng phục dịch, thực đơn ít khi thay đổi gồm có cơm vắt, muối mè, cá kho và rau. Tổng Thống ít khi đau, lâu lâu cảm cúm, có bác sĩ Bùi Kiện Tín chăm sóc. Phòng nội dịch không đông nhân viên, do ông Tôn Thất Thiết phụ trách. Vấn đề tiền bạc riêng của Tổng Thống thì giao trọn cho Chánh văn phòng đặc biệt Võ Văn Hải, ông Diệm không có nhu cầu lớn. Ông Hải, học trò cũ của GM Ngô Đình Thực, tốt nghiệp Trường Khoa học Chính trị Paris, cử nhân Hán học, rể của cựu Thượng thư Nguyễn Khoa Toàn, theo sát Tổng Thống Diệm từ lúc còn bôn ba ở hải ngoại và được ông Diệm thương như con. Ông Hải chính là người được TT Diệm chỉ định ngày 11.11.1960 ra trước cổng Dinh Độc Lập tiếp xúc với các sĩ quan phản loạn Nguyễn Chánh Thi – Vương Văn Đông để tìm hiểu yêu sách của họ. Hải chống ông bà Nhu và bác sĩ Tuyên, giám đốc Sở Mật vụ và cũng không thích ông Cần.

Ông Đức còn thêm: Vài hôm sau 1.11.1963, ông có chứng kiến vụ Hải lập biên bản trao cho đại úy Đặng Văn Hoa, chánh văn phòng của tướng Trần Văn Đôn số tiền của TT Diệm giao cho Hải cất giữ. Ông Đức không biết số tiền này được bao nhiêu và lọt vào túi của ai. Nội hai trang cuối cùng của hồi ký Việt Nam Nhân Chứng, Trần Văn Đôn có ghi rõ Hải đã trao hai số bạc mặt 2.390.000 đồng và 6297 Mỹ kim, Dương Văn Minh lấy 6.000 đô và chia cho Trần Thiện Khiêm 297 đô. Số bạc Việt Nam được phân phát cho Tôn Thất Đính, Lê Văn Kim, Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh, Nguyễn Hữu Cỏ, Nguyễn Văn Thiệu, Phạm Ngọc Thảo, Trần ngọc Tám và Trần Thiện Khiêm, riêng Đôn có nhận 24500 đồng.

Khi phe quân nhân lên cầm quyền, Võ Văn Hải có can đảm tổ chức nhóm “Tinh thần Ngô Đình Diệm” và ra ứng cử dân biểu tại Sài Gòn nhưng thất cử. Năm 1974, không hiểu vì sao Hải lại xoay qua, cùng với Tôn Thất Thiện, ủng hộ nhiệt tình tướng Dương Văn Minh là người ra lệnh hạ sát hai ông Diệm, Nhu. Hải qua đời trong một trại giam Bắc Việt sau 1975, đem theo nhiều điều bí mật chưa hề tiết lộ.

Về câu hỏi TT Diệm liên hệ ra sao với đảng Cần Lao, ông Quách Tông Đức cho biết ông Diệm chỉ để ý theo dõi hoạt động của Phong Trào Cách Mạng Quốc gia (tổ chức nòng cốt của chế độ từ lúc đầu) và Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng, một tổ chức ngoại vi của Chánh phủ. Về chuyện thành lập và sinh hoạt của đảng Cần Lao, TT Diệm giao hết cho hai ông Nhu và Cần. Trong các năm chót của chế độ, kế hoạch Ấp Chiến Lược cũng do ông Nhu hoàn toàn phụ trách, Tổng Thống không lưu ý đến như đã từng lưu ý đến kế hoạch Dinh Điền hay Khu Trù Mật. Các gương mặt nổi trong hoạt động Cần Lao gồm có các ông Huỳnh Văn Lang, Trần Kim Tuyên, Lê Văn Đồng, Huỳnh Hữu Nghĩa, Lê Quang Tung, Đỗ Mậu, Nguyễn Văn Châu, Đỗ Kế Mai, Nguyễn Trần...v.v.. Bs Tuyên làm việc với ông Nhu, ít khi gặp Tổng Thống, trừ trường hợp đặc biệt. Quyết định đưa Cần Lao vào Quân đội – tức là chính trị hoá Quân đội – làm yếu Quân đội vì phá vỡ hệ thống quân giai và làm nản lòng các sĩ quan chuyên nghiệp. Quân đội chỉ biết có Tổ Quốc. Và phục vụ tổ quốc mà thôi.

Vụ công điện số 9159 cấm treo cờ Phật giáo và sự trở mặt của các sĩ quan thân tín.

Trong quyển hồi ký “Dòng Họ Ngô Đình,” xuất bản năm 2003 tại California, tác giả Nguyễn Văn Minh, nguyên bí thư (1956-1963) của cố vấn Ngô Đình Cẩn, ghi nơi trang 164-165: Lối 10 hôm sau vụ nỗ lực đàn giết 7 em bé và một số Phật tử tại đài phát thanh Huế nhân ngày lễ Phật Đản 1963, Dương Văn Hiếu, trưởng đoàn công tác đặc biệt Miền Trung, vào Dinh để phúc trình với TT Diệm, ông Diệm nói với Hiếu như sau về vụ treo cờ Phật giáo: “Sau đó tôi mới bảo Quách Tòng Đức gửi công văn nhắc các Tỉnh, chứ tôi có cấm chi mô! Không hiểu tại rằng hấn để tới ngày chót mới gửi công điện. Khi xảy chuyện, tôi kêu vô hồi, hấn xin thôi. Công chuyện đổ bể như ri rồi, xin thôi thì ích chi?” Nguyễn Văn Minh còn viết thêm ý kiến của Tôn Thất Đính: “Ông Đức đã gửi đi một công điện mà không tham khảo ý kiến ông Cố vấn Ngô Đình Nhu... Lẽ nào lại tự tiện đánh đi một công điện như vậy nếu không được tinh báo Mỹ tổ chức?”

Được hỏi nghĩ sao về những đoạn trích dẫn trên đây, ông Quách Tòng Đức tỏ vẻ rất ngạc nhiên. Ông xác quyết không bao giờ có nhận được lệnh của ông Diệm thảo và gửi cho các Tỉnh trưởng công điện số 9159 đề ngày 6.5.1963 do ông Nguyễn Văn Minh nêu ra, với nội dung “chỉ thị cho các cơ quan phụng tự (nhà thờ, chùa chiền...) chỉ treo cờ Quốc gia mà thôi” (nguyên văn). Trước đó, việc treo cờ được giải quyết bởi hai nghị định số 78 và 189 của Bộ Nội vụ (năm 1957 và 1958) và một sắc lệnh đầu năm 1962 của Phủ Tổng Thống nhắc nhở quần chúng tôn trọng Quốc kỳ.

Ông Đức kể lại: Tháng tư 1963, sau một cuộc thị sát vào mùa lễ Phục Sinh, TT Diệm có chỉ thị cho ông Đức gửi thông tư lưu ý các giới chức Tỉnh về thể thức treo quốc kỳ Việt Nam trong các ngày lễ đạo, không phân biệt tôn giáo nào: treo trước cổng giáo đường, ở chính giữa và phía trên, đúng kích thước, còn các cờ đạo và cờ đoàn thể thì ở vị trí thấp hơn. Thông tư nhấn mạnh: phía trong các giáo đường, chùa chiền và những nơi thờ phượng, giáo kỳ được treo tự do, không giới hạn. Lệnh của Tổng Thống được phổ biến ngay ngày hôm sau.

Theo ông Quách Tòng Đức, đầu tháng 5.1963, tại Huế, xảy ra một điều đáng tiếc: Để lấy điểm trong lễ Ngân khánh 25 năm thụ phong Giám Mục của Đức Cha Ngô Đình Thục, nhà chức trách hành chánh địa phương đã cho treo cờ Vatican “loạn xạ,” bất chấp thông tư nói trên. Một tuần sau – ngày 8.5.1963 – vào lễ Phật Đản, các Phật tử cũng tự tiện treo cờ Phật giáo như thế. Hôm sau, Tỉnh trưởng Thừa Thiên trở lại thi hành thể thức treo cờ trong thông tư của Phủ Tổng Thống nên gây sự phẫn nộ của Phật tử vì họ cho rằng đây là một biện pháp bất công, kỳ thị. Tại Miền Nam, theo ông Đức, với 4800 chùa Phật, không có xảy ra vấn đề như ở Huế.

Ông Đức còn nhớ rất rành mạch rằng, sau thăm kịch tại Đài Phát thanh Huế chiều ngày 8.5.1963, Tổng Thống có đòi ông vào văn phòng để đưa cho ông xem, với một gương mặt “mệt nhọc, buồn rầu và chán nản,” công điện ngày 6.5.1963 nói trên và hỏi “một cách sơ sài” ai đã gửi đi chỉ thị ấy. Ông Đức trả lời không biết vì trong sổ công văn gửi đi không có dấu vết của tài liệu vừa kể. Theo ông Quách Tòng Đức, trong hoàn cảnh chánh trị dồn dập sôi động lúc đó (Thích Quảng Đức tự thiêu, Quách Thị Trang bị bắn chết tại chợ Bến Thành, vụ nỗ lực ở Huế, tướng lãnh lập kiến nghị đòi cải tổ, việc kiểm soát chùa...v.v.), TT Diệm rối trí, không còn màng đến việc ra lệnh điều tra. Ông có lẽ dư biết việc giả tạo công điện 9159 là một đòn phép mới của phe chống Chánh phủ (Phật giáo Ấn quang? Tình báo Hoa Kỳ? Đảng phái đối lập? hay Cộng Sản?). Vậy việc ông Đức xin từ chức là một điều thất thiệt. Nghi “tình báo Mỹ tổ chức” ông Đức – như tướng Đính ồm ờ xuyên tạc – là một chuyện tưởng tượng rở tiền.

Để tỏ thiện chí dàn xếp, Chánh phủ đồng ý cho hai Ủy ban Liên bộ và Liên phái công bố một thông cáo chung ngày 16.6.1963 xác định những điểm đã thỏa hiệp về việc treo cờ Phật giáo và Quốc kỳ, hứa xét lại Dự số 10 trước Quốc Hội vào cuối 1963, tạm ngưng áp dụng Nghị định của Phủ Tổng Thống số 116/TTP/TTK ngày 23.9.1960 ấn định thể thức mua bán bất động sản và đất đai của Phật giáo, hứa sẽ trưng trị nhân viên có lỗi và bồi thường các gia đình nạn nhân. Tuy nhiên, mọi việc đã quá trễ đối với Hoa Kỳ và Bắc Việt.

Trong hồi ký “Ngô Đình Diệm, Nỗ Lực Hoà Bình Dạng Dờ,” (nxb Xuân Thu California 1989), nơi trang 189-190, Nguyễn Văn Châu, nguyên giám đốc Nha Chiến tranh Tâm lý Quân đội Việt Nam CH, trở thành đối lập với Chánh phủ trước cuộc binh biến 1.11.1963, có ghi lại: Sau 1975, một cựu đại úy Hoa Kỳ tên James Scott, liên hệ với CIA và từng làm cố vấn cho Tiểu đoàn 1/3 thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh, thú nhận trong một lá thư đăng trên một tuần báo Mỹ rằng chính y đã gài một trái bom nổ chậm chiều 8.5.1963 tại Huế. Sự kiện này cũng được Trần Kim Tuyền, dưới bút hiệu Lương Khải Minh, ghi lại trong hồi ký “Làm thế nào giết một Tổng Thống?” (tập 2, trang 366-370). Theo trung tướng Trần Thiện Khiêm xác nhận với Marguerite Higgins, tác giả quyển sách Vietnam, Our Nightmare, chương VI, Nguyễn Khánh (nắm quyền sau cuộc chính lý 30.1.1964) đã hy sinh thiếu tá Đặng Sỹ, phó Tỉnh trưởng Nội an Thừa Thiên, để Thích Trí Quang

trì hoãn chống đối. Toà án Mặt trận xử Sỹ khổ sai chung thân.

Tình trạng giữa TT Diệm và Mỹ căng thẳng kể từ mùa hè 1962, nổ lớn tại Huế với vụ Phật giáo 8.5.1963. Qua tháng 7, tin đồn đảo chánh lan rộng. Ngày 21.8.1963, đại sứ Lodge trình ủy nhiệm thư và bắt đầu móc nối với tướng lãnh. Sau ngày Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung lục soát chùa chiền, các tướng tin cẩn của TT Diệm đều đổi lòng, theo phe phản loạn, trừ ông Cao Văn Viên trước sau như một. Ông Đức cảm động khi được biết đại tướng Viên (hiện ở Hoa Thịnh Đốn) đã xác nhận với người viết rằng sau ngày 30.1.1964 Nguyễn Khánh chính lý ê-kíp Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Nhung, kẻ giết hai ông Diệm-Nhu, – từ đại úy thăng thiếu tá – bị An ninh Quân đội bắt vào giao cho Lực lượng Nhảy Dù của Tư lệnh Cao Văn Viên canh giữ, Nhung “đã tự treo cổ bằng một sợi giây giày trong khám đường,” theo lời tướng Viên.

Được hỏi: trong các tướng thường vô ra Dinh Độc Lập, ai là người được sủng ái nhất, ông Quách Tông Đức đáp không do dự: “Tôn Thất Đính và Trần Thiện Khiêm, mà Tổng Thống xem như người nhà!” Điều này không ngăn Đính và Khiêm đóng vai trò chính yếu trong cuộc đảo chánh 1.11.1963, hệ trọng hơn cả Dương Văn Minh được chọn làm binh phong. Chính Trần Văn Đôn, với tư cách người móc nối, đã tiết lộ trong hồi ký “Việt Nam Nhân Chứng,” rằng Đôn có dò xét tâm ý của Đính và đến gặp Khiêm bốn lần, lần đầu vào tháng 9.1963, và Khiêm có cho Đôn biết “ông ta cũng có một kế hoạch riêng do Mỹ chủ trương.” Đôn viết (nguyên văn): “Tôi khuyên ông ta không nên bàn với Mỹ một việc quan trọng như vậy, nên bỏ kế hoạch ấy đi!”(trang 193). Trong những biến cố quân sự liên tiếp làm hỗn loạn Miền Nam từ 1.11.1963 cho đến ngày Tổng Thống Thiệu cầm quyền, tướng Trần Thiện Khiêm đứng sau màn giật giây chiếu theo lời xác nhận của một số nhân chứng hàng đầu khả tin. Tới nay, ông Khiêm không dính chánh mà cũng không tiết lộ gì cả. Liệu tướng Khiêm sẽ ra đi như tướng Thiệu, mang xuống tuyền đài những bí ẩn đau thương của Đệ Nhị Cộng Hoà Miền Nam?

Theo Quách Tông Đức, Dương Văn Minh không sâu sắc về chánh trị tuy thời cuộc đưa lên ghế Quốc Trưởng hai lần: sau 1.11.1963 (nhờ Mỹ giúp) và tháng tư 1975 (với sự đồng ý của Bắc Việt). Lần đầu, Minh tại chức ba tháng; lần sau, được 40 giờ, rồi đầu hàng địch vô điều kiện. Với tư cách Bộ Trưởng Nội Vụ, tác giả bài này được chỉ thị đích thân điều tra mật về trường hợp tẩu tán kho vàng Bảy Viễn chứa trong một thùng kẽm lớn, theo phúc trình của đại tá Nguyễn Văn Y, Tỉnh Trưởng Chợ Lớn, phụ tá hành quân cho ông Minh trong cuộc tảo thanh Rừng Sát.

Người viết có mời tướng Minh đến giải thích. Vì lý do chánh trị, hồ sơ tạm xếp. Bộ Tư lệnh Hành Quân bị giải tán, tướng Minh được cử làm Cố vấn Quân sự Phủ Tổng Thống, một chức vụ tượng trưng. Từ đó, ông cảm thấy không yên tâm với “chiếc gương Damoclès treo trên đầu,” ông hận chế độ – đặc biệt cố vấn Nhu – vô ơn sau khi ông đã chống Nguyễn Văn Hinh, ủng hộ Thủ Tướng Diệm, giúp dẹp Bình Xuyên và bắt nạt Ba Cụt. Một lý do khác gây nghi ngờ đối với tướng Minh là cơ quan tình báo quốc gia bắt đủ bằng chứng về mối liên hệ thâm lén giữa ông Minh và người em CS là thiếu tá Dương Văn Nhứt, bí danh Mười Ty. Một người em khác của tướng Minh là Trung tá quân đội Việt Nam Cộng Hoà Dương Văn Sơn cũng đã chứa chấp vợ chồng Nhứt và đóng vai trò liên lạc ở trong và ngoài xứ. Cục trưởng Trung ương Tình báo và Tổng giám đốc Cảnh sát Công an Nguyễn Văn Y, hiện ở Virginia, đã xác nhận với người viết có đích thân trình hồ sơ Dương Văn Minh cho TT Diệm xem. Tổng Thống liền ra lệnh hủy hồ sơ này “trước mắt ông” vì không muốn cho Hoa Kỳ biết, “xấu hổ.” (sic).

Hoa Kỳ và Cabot Lodge đã khai thác mối thù riêng của tướng Minh đối với cá nhân hai ông Diệm, Nhu để lật đổ Đệ Nhứt Cộng Hoà và thay ngựa giữa giòng. Hoa Kỳ cũng dư biết Minh có liên hệ với Bắc Việt nên áp lực Trần Văn Hương trao quyền gấp lại cho D V Minh – trái với Hiến Ppháp – hầu tạo lý do cho Mỹ chuồn sớm khỏi Việt Nam. Nguyên đại tá Nguyễn Linh Chiêu, hiện ở Huntington Beach, California, kể lại với tác giả bài này: Năm 1983, ông có gặp tướng Minh tại Paris, hỏi vì sao Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu cuối tháng 4.1975 lại hấp tấp ra thông cáo buộc quân Mỹ phải rút trong vòng 24 giờ? Tướng Minh đáp – trước mặt nhân chứng Trần Văn Đôn – đã làm “theo lời yêu cầu của đại sứ Mỹ Graham Martin.” Các sự kiện trên đây cho thấy tướng Dương Văn Minh chỉ là một con rối trong tay Hoa Kỳ, Pháp và Bắc Việt. Minh đã giúp Hoa Kỳ tràn vào Việt Nam bằng cách tuân lệnh đảo chánh ông Diệm. Mười hai năm sau, cũng chính Minh giúp Quân đội Mỹ tháo chạy. Nguyên Tổng Thống Trần Văn Hương đã thẳng thắn phát biểu: “Minh không phải là con người thích hợp với cảnh dầu sôi lửa bỏng của đất nước!”

Năm 1988, đại tướng Minh được Hoa Kỳ cho phép rời Paris qua Pasadena, California, sống với người con gái. Phải chăng đây là một cách trả ơn? Ông Minh quá vãng ngày 6.8.2001, thọ 86 tuổi. Trước đó, Võ Văn Kiệt cũng có đến thăm ông tại Pháp, theo Lý Quý Chung tiết lộ trong quyển “Hồi Ký Không Tên” vừa xuất bản tại Saigon. Với vài người thân tín, tướng Minh nói ông không tiếc hồi đã đóng vai trò của một Pétain

Việt Nam!

Nguyễn Khánh là một sĩ quan thân tín có công “cứu Chúa” trong vụ binh biến 11.11.1960 khi giữ chức Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu. Ông nuôi cao vọng thay thế Tổng Tham Mưu Trưởng Lê Văn Ty. Sau khi thắng Thiếu tướng tạm thời tại mặt trận, ông được đưa lên cao nguyên hẻo lánh để trấn Quân khu 2 và Vùng 2 chiến thuật. Ông Khánh sanh bất mãn, vì thế tuyên bố trên đài phát thanh lúc bốn giờ sáng ngày 2.11.1963 ủng hộ phe đảo chánh. Theo tướng Khánh kể lại với người viết: đêm 1.11.1963, ông Diệm và ông Nhu có điện thoại từ Chợ Lớn lên Pleiku cố thuyết phục ông Khánh cầm quân về Sài Gòn giải cứu nhưng ông Khánh trả lời “Quá trễ và ở quá xa..” Câu hỏi đặt ra: Nếu tướng Khánh nhận về “cứu giá,” nếu TT Diệm trì hoãn xuất hiện sáng 2.11.1963 và nếu sự cứu giá thành công, thì thời cuộc liệu thay đổi ra sao? Mọi việc tùy thuộc biết bao nhiêu chữ “nếu”! Sau hết, với người viết, tướng Khánh còn than phiền TT Diệm không giữ lời hứa (viết tay) trao quyền lại cho quân đội sau cuộc binh biến 11.11.1960. Đây là một sự kiện khác mà tướng Khánh hẳn không quên. Trong một buổi lễ long trọng truy điệu cố TT Ngô Đình Diệm tại thủ phủ Little Sài Gòn, California, tướng Nguyễn Khánh không tiếc lời ca tụng TT Diệm như một anh hùng dân tộc mà ông ngưỡng mộ và quyết chí noi gương.

TT Diệm nể trọng đại tướng Lê Văn Ty, người duy nhất trong quân đội được kêu bằng Ngài. Phiá dân sự, cách xưng hô này chỉ áp dụng đối với Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ và Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu, nhân vật cạo đầu năm 1963 để phản đối trong vụ Phật giáo.

Tướng nào giỏi đóng tuồng và chuyên “trở cò”? Tuy không thân cận với giới tướng lãnh, ông Đức có thể trả lời theo một nhận định chung: Trần Văn Đôn (em út của “Tây con” Nguyễn Văn Hinh và là người từng công khai đốt lon sĩ quan Pháp để tỏ lòng trung thành với TT Diệm) và Tôn Thất Đính (con cưng của chế độ trở giáo đâm sau lưng chế độ. Một Brutus hay một Juda?). Ai thâm độc nhất? Đỗ Mậu. Ông Mậu – một cột trụ Cần Lao – thú nhận đã mọp lạy trước ông Đính (cũng là Cần Lao gộc) để van xin Đính theo quân nổi loạn. “Đại tá muôn năm” Đỗ Mậu hận vì TT Diệm cho rằng ông không đủ văn hoá để tiến cao hơn. Người viết có dịp hỏi nguyên Thủ Tướng Nguyễn Khánh nghĩ sao khi chọn Mậu lãnh đạo Bộ Văn Hoá không thích hợp chút nào với trình độ của y thì tướng Khánh nheo mắt cười, trả lời: Mậu tự ti mặc cảm nhưng đầy cao vọng và được một số Phật tử ủng hộ lúc đó. Việc bổ nhiệm này khuyến khích Mậu cộng tác sốt sắng và đồng thời biến Mậu thành trò cười của quần chúng! Đây là một “đòn chánh trị” quen thuộc của Nguyễn Khánh, kịch sĩ từng đã đảo Hiến Chương Vũng Tàu do chính ông cho thảo ra. Một đòn khác của tướng Khánh: móc nối với Huỳnh Tấn Phát, lãnh tụ Mặt trận Giải phóng Miền Nam, với chủ đích – theo lời tuyên bố của Khánh – kéo Phát về phía Quốc gia. Điều này bị Nguyễn Thị Bình phủ nhận hoàn toàn trong hồi ký Chung Một Bóng Cờ, (nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1993). Chẳng những thế, trang 453-454 của hồi ký còn tiết lộ Nguyễn Khánh đã vận động Hoa Kỳ cúp viện trợ và bỏ rơi TT Thiệu, Khánh công khai đi đêm với Mặt Trận trong giai đoạn chót của Hiệp định Paris.

“TT Diệm có thích được nịnh hót hay không?” Ý kiến của Ông Đức: Tại Bắc Việt, Cộng Sản đã thần tượng hoá Hồ Chí Minh. Trong Nam, cũng có khuynh hướng ấy đối với ông Diệm, dưới nhiều hình thức, đặc biệt trong Phong trào Cách mạng Quốc gia với số đoàn viên tăng từ 10,000 năm 1955 lên đến 2 triệu năm 1963, tổ chức đến tận xã, phường. Bộ trưởng Thông tin Trần Chánh Thành bỏ hàng ngũ kháng chiến về cộng tác với ông Diệm từ lúc đầu như Trần Hữu Phương, Trần Lê Quang... Ông có công xây dựng Phong trào CMQG, tổ chức chiến dịch tổ Cộng và đề xướng “Suy tôn Ngô Tổng Thống.” Bất thuận với Trần Kim Tuyến, Thành rời Nội các cuối năm 1959. Ba bộ trưởng khác ra đi cùng một lúc vì, với ông Thành, lập hồ sơ truy tố một số cán bộ Cần Lao dân sự và quân sự lộng quyền: Trần Trung Dung (Quốc phòng), Nguyễn Văn Sĩ (Tư pháp) và người viết (Nội vụ). Bộ Thông Tin bị đổi thành Nha Tổng Giám Đốc Thông Tin do bác sĩ (Cần Lao) Trần Văn Thọ phụ trách. Ngày 30.4.1975, ông Thành (Nghị Sĩ và Ngoại Trưởng thời Nguyễn Văn Thiệu) tự tử bằng thuốc độc tại nhà để tránh sa vào tay CS còn bs Tuyến thì được nhà báo điệp viên Việt Cộng nằm vùng Phạm Xuân Ẩn lấy xe chở đến một địa điểm dùng trực thăng Mỹ thoát khỏi Việt Nam. Tuyến định cư tại Anh quốc nhờ bà Tuyến làm việc cho Tòa Đại sứ Anh ở Sài Gòn. Tuyến làm chủ một nhà trọ bed and breakfast gần Cambridge và qua đời cách đây vài năm, sau khi phát hành với Cao Vĩ Hoàng quyển hồi ký “Làm Thế Nào Giết Một Tổng Thống?”

Theo ông QTD, TT Diệm cởi mở, bình dân trong những năm đầu chấp chánh nhưng về sau, trở nên khó tánh và khép kín hơn. Ảnh hưởng của quyền lực? hoàn cảnh? giới cận thần a dua? Qua ba giai đoạn Quốc Hội Lập Hiến, Quốc Hội Lập Pháp kỳ 1 và Quốc Hội Lập Pháp kỳ 2, nền Đệ Nhất Cộng Hoà đi lần vào bế tắc. Trong gia đình, ông bà Trần Văn Chương, nhạc gia của ông Nhu, – chồng, đại sứ Việt Nam CH tại Hoa Thịnh Đốn và vợ, quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc – lợi dụng chức vụ để phản tuyên truyền và đã kích kịch liệt Chánh phủ Sài Gòn và luôn cả vợ chồng ông Nhu. Bác sĩ Trần Văn Đổ, chú vợ của cố vấn Nhu, và luật sư Nguyễn Hữu Châu, nguyên bộ trưởng Phủ Tổng Thống kiêm Bộ trưởng Nội vụ, anh em bạn cột

chèo với ông Nhu, cũng không còn ủng hộ ông Diệm. Ls Châu đào thoát qua Paris ngang con đường Nam Vang nhờ sự giúp đỡ của bạn học cũ là Quốc vương Sihanouk. Ông đã trình luận án Thạc sĩ Luật chỉ trích chương trình viện trợ Hoa Kỳ ở Việt Nam và sau đó, dạy Luật tại Đại học Paris. Ls Châu như khoa học gia Bửu Hội, năm 1972, cũng ngã theo ủng hộ Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Trần Văn Đôn- người chủ trương đảo chánh – nhìn nhận một cách thương hại: Tội nghiệp, mọi người đều bỏ TT Diệm!

Ông Quách Tông Đức tỏ ra dè dặt đối với dự luận cho rằng TT Diệm kỳ thị Phật giáo. Ông cho biết TT Diệm thường tiếp xúc với các vị tu hành thuộc mọi tôn giáo, đặc biệt Phật giáo; không bỏ qua dịp viếng thăm một số chùa như chùa Sư Nữ của Sư Bà Diệu Huệ (mẹ giáo sư Bửu Hội) ở Phú Lâm, chùa Diệu Đế ở Huế...v.v..Chính ông Đức đã nhiều lần chuyển đến tay ông Mai Thọ Truyền, chủ chùa Xá Lợi và Hội trưởng Hội Phật giáo Nam Việt những số tiền giúp đỡ. Một chuyện mà ít người biết là TT Diệm đã hiến cho Đức Đạt Lai Lạt Ma trọn số tiền 15000 mỹ kim, giải thưởng Leadership Magsaysay tặng cho Tổng Thống. Vì lý do chánh trị, quyết định này không được công bố.

Ủy ban tôn giáo Liên Hiệp Quốc được Chánh phủ Saigon mời đến điều tra năm 1963 cũng đã phúc trình – sau ngày hai ông Diệm, Nhu bị giết – rằng Đệ Nhứt Cộng Hoà không kỳ thị tôn giáo. Mặt khác, TT Diệm đã từng thẳng thắn bác bỏ những yêu sách quá đáng của các giáo phẩm di cư, bởi thế nên có sự bất mãn ngấm ngấm. Hai Giám Mục Phát Diệm, Bùi Chu Lê Hữu Từ và Phạm Ngọc Chi chống đối ra mặt.

Cho đến ngày TT Diệm qua đời, phần đông các người phục vụ sát cạnh bên Tổng Thống hàng ngày đều thuộc thành phần Phật giáo: Đồng Lý (Quách Tông Đức), Tổng thư ký Nguyễn Thành Cung, Chánh văn phòng Võ Văn Hải, bí thư Trần Sửu, nội dịch Tôn Thất Thiết, cận vệ Nguyễn Bằng.....

Vấn đề thủ tiêu các người đối lập và việc tiếp xúc của ông Nhu với đối phương Cộng Sản.

Sau chánh biến 1.11.1963, Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng tố cáo chánh quyền Diệm đã thủ tiêu một số người đối lập như Nguyễn Bảo Toàn, Tạ Chí Diệp, Vũ Tam Anh, Hồ Hán Sơn,..v.v.. Quách Tông Đức tuyên bố không biết gì về những chuyện này thuộc thẩm quyền các cơ quan công an, tình báo. Tuy nhiên, ông tin chắc rằng ông Diệm không bao giờ đích thân chủ trương như vậy vì Tổng Thống là một tín đồ Công Giáo thuần thành, phân biệt tội phước, không khát máu như Cộng Sản mà ông tích cực chống đối. Có thể một số nhân viên an ninh cuồng tín đã hành động để lấy điểm (excès de zèle) hay giải thích sai lầm chỉ thị cấp trên. Một bằng chứng cụ thể là TT Diệm chỉ ra lệnh giam chớ không cho xử tử Hà Minh Trí, một cán bộ Cao Đài, mưu sát hụt ông tại Ban Mê Thuột và gây thương tích cho Bộ trưởng Đỗ Văn Công. Hà Minh Trí được Hội đồng Cách Mạng trả tự do khi họ đã giết TT Diệm. Câu hỏi nêu ra là cuối cùng, TT Diệm có hay biết các vụ thanh toán đối lập hay không và phản ứng thế nào? Dù sao, lịch sử vẫn đặt vấn đề trách nhiệm tinh thần đối với ông.

Trong giai đoạn chót của chế độ, có tin đồn trong quần chúng và báo giới Mỹ rằng cố vấn Ngô Đình Nhu đi đêm với CS kháng chiến để tìm ra giải pháp giữa Nam, Bắc. Chính ông Nhu có đề cập đến chuyện này trong vài phiên nhóm với tướng lãnh tại Bộ Quốc phòng và ngày 23.7.1963 tại suối Lồ Ô- khi nói chuyện với các cán bộ xây dựng Ấp Chiến Lược khoá 13. Một nguồn tin khác cho biết ông Nhu sử dụng trung gian của bốn Đại Sứ Roger Lalouette (Pháp), d'Orlandi (Ý), Goburdhun (Ấn Độ) và Manelli (Ba Lan), (hai ông sau là thành viên của Ủy ban Quốc tế kiểm soát đình chiến) cũng như Tổng Lãnh Sự Pháp ở Bắc Việt Jacques de Buzon để liên lạc với Hà Nội.

Ông Quách Tông Đức nói có nghe dự luận này nhưng không biết rõ chi tiết. Ông cũng có nghe xầm xì rằng ông Nhu đã gặp một đại diện Văn phòng Chính trị CS (Phạm Hùng?) trong lần đi săn tại Quận Tánh Linh, Bình Tuy. Ông Đức nghĩ đây chỉ là một đòn chiến thuật của ông Nhu để dẫn mặt Hoa Kỳ, Tổng Thống Diệm không bao giờ chấp nhận giải pháp điều đình với Hồ Chí Minh. Hơn nữa, Hiến pháp Việt Nam CH có ghi rõ chủ trương của Miền Nam Việt Nam chống chủ nghĩa vô thần. Ông Đức còn xác nhận: một Tết Nguyên Đán trước 1963, một cảnh đào đồ lộng lẫy được trưng bày nơi phòng khánh tiết Dinh Độc Lập với tấm thiệp in tặng của “Chủ tịch Nhà nước Cộng hoà Xã hội Miền Bắc.”

Những ngày chót của Tổng Thống Diệm. Các cận thần cuối cùng.

42 năm trôi qua, mọi công dân Việt Nam, ủng hộ hay chống đối ông Diệm, đều cảm thấy nhục nhã khi đọc lại những lời thú nhận sượng sượng của tướng Trần Văn Đôn, đầu não trong chánh biến 1.11.1963 và tác giả của quyển hồi ký “Việt Nam Nhân Chứng” (nxb Xuân Thu, California, 1989) về vai trò Hoa Kỳ chỉ huy vụ lật đổ và sát hại một lãnh tụ đồng minh. Đôn viết: “Đúng 1 giờ 30 trưa, (trùm Xịa) Conein vào bộ Tổng Tham mưu, (nơi đặt văn phòng của Đôn) mang theo một máy truyền tin đặc biệt để liên lạc với Toà Đại sứ

Mỹ và một bao tiền là ba triệu bạc Việt Nam ” (trang 211). Đôn còn tuyên bố khi y thậm thọt gặp riêng Thái thú Cabot Lodge để thỉnh thị: “Chúng tôi (nhóm đảo chính) không bao giờ có tham vọng cá nhân, chỉ muốn cứu nước!” (trang 210)

Trong hồi ký “Việt Nam Nhân Chứng”, đoạn chót, Trần Văn Đôn cho biết ba triệu bạc -cái giá rẻ mạt để thay đổi một thế cờ! – đã chia cho Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, Nguyễn Hữu Cỏ, Đỗ Cao Trí, Nguyễn Khánh, Trần Ngọc Tám và Lê Nguyên Khang.

Ông Đức tỏ ra ngán ngẩm khi được hỏi nghĩ gì về sự tự thú trên đây. Theo ông, trong những ngày chót của một cuộc đời đấu tranh gian khổ, TT Diệm là con người cô đơn nhứt trên thế gian: dân tộc bỏ rơi, đồng minh phản bội, gia đình chia cách, kẻ thù Cộng Sản reo hò chiến thắng, sự nghiệp chính trị ra tro, uất hận ngất trời vì tương lai mù mịt của Đất Nước, một quốc gia bị sức mạnh chèn ép. Với ông Nhu quỳ bên cạnh cầu nguyện trong Nhà thờ Cha Tam Chợ Lớn sáng ngày 1.11.1963. không chắc TT Diệm đồng một tâm tư với người em.

Ông Đức bùi ngùi nhắc lại: Tối 1.11.1963, khi tiếng súng nổ rền khắp nơi, ông và gia đình rời khỏi nhà riêng ở số 8 đường Lê Văn Thạnh, Sài Gòn, ngủ đêm tại Chợ Lớn, không xa căn phố lầu của Mã Tuyên, nơi Tổng Thống và ông Nhu tạm ngụ. Sáng hôm sau 2 tháng 11, trở lại nhà thì được hay Tổng Thống có điện thoại tối hôm trước nhưng người giữ nhà trả lời không biết ông Đức ở đâu. Vài giờ sau, ra-dô báo tin hai ông Diệm, Nhu “tự tử,” điều mà Đức không tin chút nào. Đến nay, ông Đức vẫn ân hận vì không được tiếp xúc lần chót với Tổng Thống.

Hỏi: Trong Nội các, ai được Tổng Thống Diệm tin cậy nhứt những ngày, tháng cuối cùng? Quách Tòng Đức **đáp:** Nguyễn Đình Thuần và Trương Công Cừu. Thuần kiêm ba trọng trách: Bộ trưởng tại Phủ Tổng Thống, Bộ trưởng phụ tá Quốc phòng, và Bộ trưởng Đặc nhiệm Phối hợp An ninh. Cừu là Bộ trưởng Đặc nhiệm Phối hợp Văn hoá Xã hội. Ngoài ra, còn có Ngô Trọng Hiếu, Bộ trưởng Công dân vụ, từng là đại sứ Việt Nam CH ở Nam Vang, bị Chánh phủ Cam bắt trục xuất vì giúp cho tướng Đap Chuon đảo chánh (hụt) Quốc vương Sihanouk. Tên ông Hiếu nằm trong bản danh sách của Cabot Lodge ghi các nhân vật cần thanh toán, theo hồi ký nêu trên của trung tá Nguyễn Văn Châu.

Ông Đức không ngạc nhiên cho lắm khi được người viết cho biết một số tài liệu giải mật tại Hoa Kỳ tiết lộ Thuần là tay trong thân tín của CIA, theo dõi để phúc trình từng phản ứng của hai anh em Diệm-Nhu. Thuần từng được Mỹ chăm như một “Thủ Tướng có triển vọng” nếu TT Diệm chịu sửa Hiến pháp để đặt thêm chức vụ này (đọc The Storm has many eyes, A personal narrative của Henri Cabot Lodge, NY 1973, trang 62 và Lodge in Vietnam, A Patriot abroad của Ann Blair, nxb Yale University Press, New Haven 1995, trang 92). Một số nhân vật rất gần Dinh Độc Lập cho biết Thuần dùng đủ mưu chước để thu hút cảm tình của TT Diệm và từ đó, tìm cách ly gián ông Diệm và ông Nhu trong giai đoạn chót của chế độ. Ông Quách Tòng Đức ngạc nhiên khi hay chính Đệ Nhị Phòng Pháp đã giúp Thuần trốn khỏi Việt Nam . Cố Ứng Thi, chủ của Khách sạn Rex và bạn thân của Thuần, xác nhận với người viết điểm vừa nói. Thuần hiện sống thong dong tại Paris.

Tác giả bài này thắc mắc: không lẽ một người tinh vi như ông Nhu mà không nhận ra mặt trái của Nguyễn Đình Thuần? Ông Đức trả lời: Có thể ông Nhu không mù quáng nhưng ở vào thế kẹt lúc đó, không còn ai liên lạc để dò xét âm mưu đen tối của Hoa Kỳ, ông Nhu phải “tương kế, tựu kế.” sử dụng Thuần. Ông Nhu cũng đã áp dụng chiến thuật này (kế hoạch chống đảo chánh Bravo) để tìm cách chi phối nhóm tướng bị Mỹ mua chuộc.

Ông Đức cho biết thêm: Linh mục Cao Văn Luận cũng là một cố vấn thân tín của Tổng Thống được giao phó ra nước ngoài xin tài trợ về giáo dục, tìm kiếm trí thức Việt đưa về nước và tổ chức Viện Đại học Huế mà ông là Viện trưởng đầu tiên . Trong giai đoạn khủng hoảng Phật giáo, dư luận cho rằng cha Luận đã trở mặt, ngã theo phe chống chánh quyền. Chẳng những thế, ông còn viết hồi ký “Trong giòng lịch sử ” để nói xấu TT Diệm và đề cao Hồ Chí Minh. Tình đời rõ đen bạc!

Ông Quách Tòng Đức quả quyết không bao giờ gặp Vũ Ngọc Nhạ (mà CS tuyên bố phía trong quyền sách và bộ phim giả tưởng Ông Cố Vấn gài được vào Dinh Độc Lập!) Trả lời về các cán bộ gốc Cộng Sản cộng tác với chế độ, ông Đức cho biết Kiều Công Cung – nguyên tư lệnh một sư đoàn Việt cộng – đã tỏ ra xứng đáng đến cùng trong chức vụ Đặc ủy chiêu hồi. Phạm Ngọc Thảo – mà Tổng Nha Công an có hồ sơ – được bổ nhiệm đại úy Bảo An, sau đó Tỉnh trưởng Kiến Hoà và thanh tra dinh điền. Hai chuyên viên Mỹ về Giáo dục và Dinh điền thường lui tới Dinh và ăn sáng với Tổng Thống là giáo sư Wesley Fishel thuộc Đại học Michigan và Ladejinsky mà Tổng Thống quen từ lúc bôn ba ở Hoa Kỳ. Về sau, được hay hai chuyên

viên này làm việc cho CIA. Đặc biệt, Fishel đã ra mặt chống phá ông Diệm tại Hoa Thịnh Đốn trước ngày đảo chánh.

Trần Văn Đôn ghi nơi trang 182 của hồi ký “Việt Nam Nhân Chứng”: Trong một buổi học tập chính trị tại Bộ Tổng Tham Mưu trước chính biến 1.11.1963, ông Nhu nói, sau khi nghe các tướng lãnh trình bày thỉnh nguyện: “Mấy anh muốn cải tổ chánh phủ mà xin như vậy đâu có nhiều. Muốn làm cách mạng thật sự, tôi tưởng các anh phải xin nhiều hơn. Ông Diệm bị kẹt với một số Bộ trưởng thối nát bất tài. Trong lúc này Quân đội phải nhận rõ vai trò của mình để cứu nước, nên đảo chánh một đêm bắt mấy ông Bộ trưởng đó rồi hôm sau trao quyền lãnh đạo lại cho Tổng Thống. Nếu có vị tướng nào muốn đảo chánh thì quân đội phải chống lại, phải bắt người đó mà treo cổ trên đường Công Lý.”

Đâu là sự thật? Nếu đúng, thì đây có phải là ván bài tổ xả láng của ông Nhu để dò xét và sập bẫy nhóm tướng tạo phản? Hay một nhìn nhận chua chát chế độ đang tuột dốc thê thảm, đưa dân tộc vào một trận đại hồng thủy? Tổng Thống Ngô Đình Diệm có thể đã phạm một số sai lầm nguy hại khi cầm quyền – điều này sẽ được sử sách phê phán công và tội – nhưng không một ai – từ đồng minh Hoa Kỳ cho đến Hồ Chí Minh – chối cãi rằng ông là một lãnh tụ yêu nước, trong sạch, có khí phách và không làm dân tộc Việt Nam hổ thẹn vì ông đã cố bảo vệ đến cùng thể diện và quyền uy quốc gia. Không một gia đình Việt Nam nào mà lại hy sinh nặng như thế cho Đất Nước, mất một lần bốn người con ưu tú, một vì tay Cộng Sản và ba vì tay quốc gia. Ông Diệm ra đi, Hồ Chí Minh không còn đối thủ, Mỹ rảnh tay Việt nam hoá chiến tranh, Miền Nam sụp đổ mau lẹ.

Hay tin TT Diệm bị sát hại, Mao Trạch Đông phản ứng bằng nhận xét: ” Chính quyền Kennedy hạ ông Ngô Đình Diệm là một thất sách, một sai lầm rõ rệt!” Và Hồ Chí Minh tuyên bố: ” Ông Diệm là một nhà yêu nước, theo lối của ông ấy!” Trong hồi ký The Real War, chương V, Richard Nixon viết: Tổng Thống Pakistan Ayub Khan nói với tác giả vài ngày sau vụ đảo chánh 1.11.1963: “Việc Tổng Thống Diệm bị giết có ba ý nghĩa đối với nhiều người Á Đông: trở thành bạn Hoa Kỳ là một nguy hiểm, trung lập có giá hơn và đôi khi tốt hơn là kẻ thù.” Riêng về De Gaulle thì ông nhận định: ‘Sau Diệm, không phải là một khoảng trống mà là một sự quá đầy!’ De Gaulle muốn nói: Miền Nam lạm phát lãnh tụ, trở thành một giỏ cua và một hí trường tranh dành địa vị, ngôi thứ.

Đối với thể hệ lãnh đạo mai sau, sự thất bại của TT Diệm – mà đồng minh Hoa Kỳ lẫn kẻ thù Cộng Sản đều xem như một mối đe dọa cần triệt hạ – là một bài học quý báu về kinh nghiệm chống Đế quốc, về Nhân Tình Thế Thái và thân phận của một nước nhược tiểu. Học giả Úc Denis Warner đã tặng cho ông biệt danh xứng đáng “The Last Confucian, Người hiền triết Khổng giáo cuối cùng.” TT Diệm là một thầy tu lạc lõng giữa chính trường gió tanh mưa máu, gánh trên vai thánh giá của Quê Hương đau khổ.

Sau tháng 4.1975, hai ngôi mộ của TT Diệm và Cố vấn Nhu được cải táng từ nghĩa trang Mạc Đình Chi, Saigon, về quận Lái thiêu, tỉnh Bình Dương. Mộ bia của TT Diệm có khắc chữ Huynh. Mộ bia của Cố vấn Nhu khắc chữ Đệ. Hai năm mồ khiếm nhường, quạnh hiu, thiếu người chăm sóc, kết thúc một cuộc đời đấu tranh khắc nghiệt, đầy oan trái nhưng chắc chắn không phải là một hy sinh vô bổ trên bàn thờ Tổ Quốc.

Kết luận

Ông bạn Quách Tông Đức chấm dứt buổi nói chuyện thân tình bằng một lời than chua xót: Dĩ vãng buồn nhiều hơn vui, phá hoại nhiều hơn xây dựng, hận thù thay vì đoàn kết. Đến nay, Đất Nước chưa thấy lối thoát, những bài toán của Xứ Sở chưa tìm ra đáp số. Ngày nào Cộng Sản vẫn bám víu vào quyền lực thì quốc nhục chậm tiến còn kéo dài. Thế cuộc xoay vần. Lý thuyết chánh trị, chế độ, lãnh tụ... rồi cũng phải trở về với cát bụi. Vanitas vanitatum, omnia vanitas, Hư Danh, tất cả đều là Hư Danh! Cuối cùng chỉ còn lại Dân Tộc, Dân Tộc trường tồn, Dân Tộc bất diệt.

Lưu đây, dù trên mảnh đất dân chủ, chưa phải là Tự Do, Người Việt tha hương, vào tuổi gần đất xa trời, vừa đau buồn hướng về Đất Mẹ, vừa thao thức tự vấn như Thôi Hiệu trong bài thơ Đường Hoàng Hạc Lâu:

*Chiều xuống, Quê Nhà đâu đó tá?
Bên sông khói toả, nào lòng ai.
(Chi Điền dịch)*

LÂM LỄ TRINH